TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 539/2019/HS-PT
Ngày 20 – 9 – 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố H tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Minh Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 695/2019/TLPT-HS ngày 03 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Vũ Thị Hồng L và bị cáo Nguyễn Xuân T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 354/2018/HSST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Vũ Thị Hồng L**, sinh năm 1978 tại Thái Nguyên; Nơi ĐKTT: Số 219 đường N, phường V, quận H, Thành phố H; chỗ ở hiện nay: 02 bis Đ, phường Đ, Quận 1, Thành phố H; nghề nghiệp: Nguyên Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính C – Chi nhánh Thành phố H (Công ty PVFI-CNHCM); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Huy Bưu, sinh năm 1935 và bà Phạm Thị Hòa, sinh năm 1947; có 01 con là Nguyễn Vũ L Anh, sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, *(có mặt)*.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thị Hồng L: Ông Lâm Quang Quý – Luật sư làm việc tại Văn phòng Luật sư Khai Quốc, Đoàn luật sư Thành phố H; *(có mặt)*

2. **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1978 tại Hải Dương; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Căn hộ A3/2604 Chung cư K, phường P, Quận 7, Thành phố H; nghề nghiệp: Nguyên kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp V (Công ty ISC); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Trọng, sinh năm 1948 và bà Hứa Thị Hà, sinh năm 1949; có vợ là Đào Như Ngọc; có 02 con, con lớn sinh năm 2014 và con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/7/2016 đến ngày 18/01/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, *(có mặt)*.

- *Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị nhưng được Tòa án triệu tập:*

+ Bị hại: Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính C (PVFI); *(vắng mặt)*.

Địa chỉ: 163 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

+ Đơn vị có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp V (ISC), *(vắng mặt)*.

Địa chỉ: Số 121 L, phường B, Quận 1, TP H.

2. Công ty Cổ phần Chứng khoán S, *(vắng mặt)*.

Địa chỉ: Tầng 3 – 4 Tòa nhà Vinaplast – Tai Tam, số 39A N, phường H, quận H, Thành phố H.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Xuân T; địa chỉ: Phòng 1507C1 Chung cư tái định cư, đường P, Quận 7, Thành phố H; *(vắng mặt)*.

2. Bà Đặng Thị H; địa chỉ: A 4B block 2C, Tầng 15, Chung cư P, phường P, Quận 7, Thành phố H; *(vắng mặt)*.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị là ông Đặng Quốc H và bà Nguyễn Thị Thùy N nhưng Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính C (Công ty PVFI), trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102278170 ngày 01/06/2007, trụ sở tại 163 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Ngành nghề kinh doanh gồm: Đầu tư sáp nhập doanh nghiệp, tư vấn đầu tư trong và ngoài nước, tư vấn cổ phần hóa, nhận ủy thác đầu tư trong nước và nước ngoài, tư vấn mua bán, đầu tư trực tiếp… Công ty PVFI có Chi nhánh tại Thành phố H, do ông Hà Thái S làm Giám đốc (từ tháng 8/2009 đến tháng 12/2013 thì nghỉ việc), Vũ Thị Hồng L làm Phó Giám đốc (từ 18/01/2010). Từ năm 2014 đến nay, Chi nhánh này đã ngừng hoạt động nhưng chưa làm thủ tục giải thể.

Ngày 30/3/2010, Công ty PVFI do ông Kiều H – Phó Tổng giám đốc đại diện và Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp V (Công ty ISC) do ông Trần Đức Thuận - Tổng giám đốc đại diện, ký Thỏa thuận hợp tác cung cấp dịch vụ hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết số 10/2011/TTHT/PVFI-ISC. Theo đó, Công ty PVFI sẽ góp vốn đầu tư (*một hình thức cho vay tiền*) hợp tác ba bên với Công ty ISC và các khách hàng có tài khoản chứng khoán để đầu tư mua các mã chứng khoán niêm yết tại Công ty ISC.

Trên cơ sở thỏa thuận này, ngày 18/3/2011 giữa Công ty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H do ông Hà Thái S đại diện, Công ty ISC do ông Nguyễn Xuân T đại diện và khách hàng Nguyễn Thị Thùy N đã thực hiện các bước sau:

- Công ty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H ký Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết số 30/2011/HDHTDT/PVFI-HCM với Công ty ISC (Nguyễn Xuân T đại diện) và khách hàng Nguyễn Thị Thùy N.

- Công ty ISC ký Biên bản xác nhận kiêm phong tỏa chứng khoán đối với tài khoản chứng khoán số 096C001017 của Nguyễn Thị Thùy N, xác nhận trong tài khoản của Ninh đang có 05 mã chứng khoán (LCG, ITC, ĐPM, OGC, SHN) với số lượng 1.021.000 cổ phiếu, tổng trị giá theo mệnh giá là 10.210.000.000 đồng.

- Công ty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H ký Phụ lục Hợp đồng số 1/2011 với Công ty ISC và Nguyễn Thị Thùy N, chấp thuận góp vốn đầu tư 9.000.000.000 đồng đối với số chứng khoán đã được phong tỏa tại Công ty ISC, với lợi nhuận cam kết của khách hàng Ninh hoàn trả cho Công ty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H là 21%/năm. Thời hạn góp vốn 90 ngày.

Ngày 22/3/2011, Công ty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H đã giải ngân 9.000.000.000 đồng chuyển vào tài khoản chứng khoán của Nguyễn Thị Thùy N tại Công ty ISC. Tính đến ngày 15/12/2013, tổng số tiền góp vốn và lợi nhuận cam kết theo hợp đồng mà khách hàng Nguyễn Thị Thùy N chưa thanh toán cho Công ty PVFI là 6.832.383.374 đồng, trong đó, vốn gốc là: 3.939.265.000 đồng; lợi nhuận cam kết là: 2.893.118.374 đồng.

Hết thời hạn hợp tác, khách hàng Nguyễn Thị Thùy N không thanh toán, Công ty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H kiểm tra phát hiện thông tin hồ sơ hợp tác và tài khoản chứng khoán khách hàng Ninh có sự gian dối, liên quan đến Vũ Thị Hồng L - nguyên Phó Giám đốc Công ty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H và Nguyễn Xuân T - Kế toán trưởng Công ty ISC, như sau:

Năm 2010, Lê Xuân T - Kế toán trưởng, Phó Tổng Giám đốc Công ty PVFI và Vũ Thị Hồng L đã kinh doanh chứng khoán bằng tài khoản cá nhân đứng tên Phạm Thị Hòa và bà Vũ Thị Mai Hương (là mẹ và chị ruột của L) tài khoản số 055C010186 và 055C633184 tại Công ty Cổ phần Chứng khoán S (Công ty SME), nhằm mục đích lấy lãi để Ban Lãnh đạo Công ty PVFI sử dụng làm chi phí ngoại giao. Tiền vốn đầu tư cổ phiếu mã VFR, MAX trong hai tài khoản này do Công ty SME cho vay, thông qua Hợp đồng môi giới mua trái phiếu giữa Công ty SME và bà Hòa, bà Hương. Đến tháng 3/2011, thị T chứng khoán đi xuống nên việc kinh doanh bị lỗ khoảng 4.667.710.000 đồng (trong đó 1.941.319.654 đồng là tiền trả lãi vay cho Công ty SME). Cùng thời điểm này, Công ty SME bị Bộ Công an điều tra nên yêu cầu Tân, L thanh toán khoản vay. Lê Xuân T và Vũ Thị Hồng L đã thống nhất chuyển số cổ phiếu đang kinh doanh từ Công ty SME đến Công ty ISC tại Thành phố H. Vũ Thị Hồng L gặp Trần Đức Thuận - Tổng giám đốc Công ty ISC đồng ý tiếp nhận số chứng khoán của L từ Công ty SME chuyển vào và yêu cầu trao đổi với Nguyễn Xuân T - Kế toán trưởng Công ty ISC để làm thủ tục. Sau đó, L mượn bản chụp chứng minh nhân dân của thân nhân Đặng Thị H (nhân viên Công ty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H) tên Nguyễn Thị Thùy N, Đặng Quốc H và gửi qua email cho Nguyễn Xuân T để mở tài khoản chứng khoán tại Công ty ISC. Tại 02 hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán L viết tên và ký giả chữ ký của Nguyễn Thị Thùy N và Đặng Quốc H. Còn Nguyễn Xuân T ký khống xác nhận số lượng 05 mã chứng khoán khống tại 02 Biên bản xác nhận kiêm phong tỏa chứng khoán tài khoản Ninh và Hiển, giao 02 bộ hồ sơ gồm Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết, Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết, đơn đề nghị chuyển khoản đưa cho L, L tự viết tên và giả chữ ký Nguyễn Thị Thùy N và Đặng Quốc H vào hồ sơ hợp tác đầu tư chuyển sang Công ty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H.

Sau khi nhận hồ sơ, Phòng Dịch vụ Tài chính và ông Hà Thái S - Giám đốc Công ty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H ký duyệt giải ngân đối với tài khoản Ninh số tiền 9.000.000.000 đồng, tài khoản Hiển số tiền 7.006.000.000 đồng. Ngay sau khi mở tài khoản Ninh, Hiển tại Công ty ISC, L đặt lệnh mua cổ phiếu theo hình thức "giao dịch thỏa thuận" với tài khoản Phạm Minh Hòa tại Công ty SME trị giá 7.404.940.775 đồng, khi tài khoản Thùy Ninh được Công ty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H giải ngân chuyển tiền vào thì L đặt lệnh chuyển tiền thanh toán tiền đã mua số cổ phiếu VFR của tài khoản Hòa, tiền dư còn lại dành trả lãi vay 1.595.000.000 đồng cho tài khoản Ninh vào các tháng đầu và lãi tất toán tài khoản Hòa ở Công ty SME. Tài khoản Đặng Quốc H, L cũng dùng cách thức chuyển cổ phiếu vào Công ty ISC như tài khoản Thùy Ninh.

Do kinh doanh cổ phiếu VFR, MAX ở Công ty SME và Công ty ISC bị lỗ, thêm phần lãi đã vay nên khi bán toàn bộ cổ phiếu đang có trong 02 tài khoản Ninh, Hiển cũng không đủ trả tiền vay của Công ty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H. Do đó, L và Tân đứng ra bảo lãnh cho 02 tài khoản Ninh, Hiển vay tiền của Công ty ISC để trả tiền cho Công ty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H. Tuy nhiên, chỉ đủ tiền thanh lý tất toán hợp đồng đứng tên tài khoản Đặng Quốc H, còn tài khoản Thùy Ninh chỉ thanh toán được một phần. Hết hạn hợp tác đầu tư tài khoản đứng tên Nguyễn Thị Thùy N, Vũ Thị Hồng L không còn khả năng thanh toán tiền vay cho Công ty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty PVFI số tiền 3.251.670.520 đồng.

Ngày 03/4/2014, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam xác định từ ngày 01/01/2011 đến nay, tài khoản số 096C001017 của Nguyễn Thị Thùy N không có 05 mã chứng khoán cùng số lượng như Công ty ISC ký Biên bản niêm phong chứng khoán vào ngày 18/3/2011.

Kết luận giám định số 03/KLGĐ-TT ngày 19/11/2015, kết quả chữ viết, chữ ký tên Đặng Quốc H, Nguyễn Thị Thùy N tại 02 bộ Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán đều do Vũ Thị Hồng L viết và ký.

Nguyễn Xuân T - nguyên Kế toán trưởng Công ty ISC khai: Trần Đức Thuận có yêu cầu T nghiên cứu xem xét việc L chuyển cổ phiếu đến Công ty ISC theo quy định và nếu không giải quyết theo yêu cầu của Công ty PVFI có khả năng Công ty PVFI sẽ giảm hạn mức tiền đầu tư tại Công ty ISC. Nên khi L liên hệ thì T thực hiện mở tài khoản cá nhân đứng tên người khác và xác nhận khống số dư chứng khoán để hoàn tất hồ sơ thủ tục cho Công ty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H ký hợp đồng đầu tư giải ngân vay tiền vào tài khoản chứng khoán Ninh, Hiển. Tuy thời điểm xác nhận thì tài khoản Ninh, Hiển không có số dư chứng khoán, nhưng sau khi được Công ty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H

giải ngân tiền hợp tác đầu tư và chuyển tiền cho Công ty SME thì cổ phiếu mới chuyển vào. Mặc dù biết việc xác nhận số dư khống trong tài khoản chứng khoán Ninh, Hiển là không đúng sự thật và không đúng quy định về hoạt động kế toán, cũng như thỏa thuận hợp tác đầu tư giữa hai công ty PVFI và ISC, nhưng vì tin tưởng L đã trao đổi và Thuận đồng ý nên thực hiện. Đến khi hợp đồng hợp tác quá hạn thanh toán, T mới báo Thuận biết việc xác nhận khống. T không hưởng lợi từ việc thực hiện các việc trên, cũng không biết L viết, ký giả chữ ký của Nguyễn Thị Thùy N trong các tài liệu trong hợp đồng hợp tác.

Nguyễn Thị Thùy N, Đặng Quốc H khai: Có cung cấp file hình ảnh chứng minh nhân dân cho chị họ là Đặng Thị H để mở tài khoản chứng khoán, nhưng không rõ Huệ hay ai mở, cũng không biết được sử dụng để mở tài khoản chứng khoán tại Công ty nào, không tham gia ký bất cứ hồ sơ tài liệu nào đối với việc mở tài khoản chứng khoán và hợp tác đầu tư với Công ty ISC hay Công ty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H, cũng chưa từng sở hữu mã cổ phiếu.

Đặng Thị H - nhân viên Ban Dịch vụ Tài chính Cty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H là nhân viên cấp dưới của Vũ Thị Hồng L, do L cần chứng minh nhân dân của người khác để mở tài khoản cá nhân, vì nể nang nên Huệ đã cung cấp file bản chụp chứng minh nhân dân của Ninh và Hiển cho L mượn để mở tài khoản chứng khoán. Việc L mở tài khoản như thế nào thì Huệ không biết.

Trần Đức Thuận - Tổng Giám đốc Công ty ISC khai: Vũ Thị Hồng L có đến gặp trao đổi nhờ hỗ trợ cho vay tiền và tiếp nhận cầm cố số cổ phiếu từ Hà Nội chuyển vào Công ty ISC. Vì thời gian này Thuận đang phụ trách tìm khách hàng ở các tỉnh, nên giao cho Nguyễn Xuân T xem có thực hiện được không, và yêu cầu L trao đổi trực tiếp với T. Việc T ký các Biên bản xác nhận khống số dư chứng khoán, Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H về tài khoản Nguyễn Thị Thùy N, Đặng Quốc H, T không báo cáo Thuận. Việc T ký các hợp đồng này là do ngày 30/8/2010 Thuận có Giấy ủy quyền số 39/UQ-ISC ủy quyền cho T đại diện Công ty ISC trong việc: *Đàm phán và ký các hợp đồng, hồ sơ hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết giữa Công ty ISC và Công ty PVFI.*

Lê Xuân T - nguyên Kế toán trưởng - Phó Tổng Giám đốc Công ty PVFI khai: Lãnh đạo Công ty PVFI có chủ trương kinh doanh chứng khoán tài khoản cá nhân để lấy lãi cho Ban lãnh đạo làm chi phí ngoại giao tại Công ty SME. Vì ông Chu Xuân L, Kiều H chuyển công tác và thoái thác trách nhiệm việc chỉ đạo L, Tân tại Công ty SME. Nên Tân có trao đổi yêu cầu L trực tiếp liên hệ Công ty ISC để làm thủ tục vay tiền chuyển cổ phiếu, tuy nhiên L thực hiện cụ thể thế nào thì Tân không biết, Tân cũng không trao đổi hay liên hệ gì với Thuận và T. Đối với việc bảo lãnh cho Hợp đồng vay tiền của Nguyễn Thị Thùy N, Đặng

Quốc H tại Công ty ISC, do L nói liên quan đến việc kinh doanh cổ phiếu chuyển từ Công ty SME vào Công ty ISC nên Tân cùng ký bảo lãnh chung với L.

Ông Chu Xuân L, Kiều H khai: Không chỉ đạo việc Tân, L vay tiền Công ty SME để đầu tư chứng khoán cá nhân lấy lãi cho Ban Giám đốc chi phí ngoại giao, do từ ngày 15/8/2010 và đầu năm 2011 ông Hưng, ông Lai đã có Quyết định chuyển công tác không còn ở Công ty PVFI nên không thể chỉ đạo như lời khai của Tân và L.

Ông Hà Thái S - Giám đốc Công ty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H, Nguyễn Thái Hòa, Vũ Thị Thuận là cán bộ tham mưu, phê duyệt giải quyết Hợp đồng hợp tác đầu tư của Nguyễn Thị Thùy N và Đặng Quốc H đều thực hiện đúng các quy trình, cũng như quy định trong Thỏa thuận hợp tác giữa Công ty PVFI và Công ty ISC, nên không phát hiện việc gian dối, xác nhận khống hồ sơ của L và T. Trong quá trình duyệt ký hợp đồng hợp tác đầu tư của tài khoản Ninh, Hiển, ông Sơn không được bất cứ ai liên hệ, tác động để duyệt hồ sơ đầu tư và giải ngân tiền.

Quá trình điều tra, ngày 26/9/2016 Công ty ISC đã nộp số tiền 1.625.835.000 đồng để khắc phục hậu quả cho Nguyễn Xuân T vào Kho bạc Nhà nước tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra.

Tang vật: 01 CPU máy tính để bàn, kèm theo màn hình đã qua sử dụng của Nguyễn Xuân T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 354/2019/HS-ST ngày 10/10/2018, Tòa án nhân dân Thành phố H đã quyết định:

Tuyên bố Vũ Thị Hồng L và Nguyễn Xuân T phạm tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"*.

+ Áp dụng Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); khoản 3 Điều 281 Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009); các điểm b, t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bị cáo Vũ Thị Hồng L 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Áp dụng Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); khoản 3 Điều 281 Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009); các điểm b, t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ đi thời hạn tạm giam trước từ ngày 20/7/2016 đến ngày 18/01/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vũ Thị Hồng L và Nguyễn Xuân T nộp lại toàn bộ số tiền 3.251.670.520 (ba tỷ hai trăm năm mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi ngàn năm trăm hai mươi) đồng cho Công ty PVFI. Ghi nhận bị cáo Vũ Thị Hồng L đã nộp số tiền 1.625.835.520 đồng và bị cáo Nguyễn Xuân T đã nộp số tiền 1.625.835.000 đồng (Theo biên lai thu tạm ưng án phí, lệ phí Tòa án số 0047687 ngày 18/09/2017 và Ủy nhiệm chi ngày 26/9/2016 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp V ủy nhiệm chi cho Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và tham nhũng – Công an Thành phố H).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 22/10/2018, bị cáo Vũ Thị Hồng L có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 22/10/2018, bị cáo Nguyễn Xuân T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo với lý do: Bị cáo chỉ là người giúp sức, không được hưởng lợi ích nào; bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và đã chủ động khắc phục hậu quả. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã nhận ra khuyết điểm của mình, gia đình bị cáo có công với Cách mạng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Vũ Thị Hồng L trình bày kháng cáo kêu oan, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Xuân T vẫn giữ nguyên kháng cáo nêu trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm:

Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết hai bị cáo Vũ Thị Hồng L và Nguyễn Xuân T phạm tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"* là phù hợp với các chứng cứ của vụ án, có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan đối với các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Xuân T là kế toán trưởng Công ty ISC đã xác nhận số dư khống trong tài khoản chứng khoán của Ninh và Hiển để hoàn tất hồ sơ thủ tục cho Công ty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H ký hợp đồng đầu tư giải ngân vay tiền vào tài khoản chứng khoán Ninh và Hiển. Như vậy, bị cáo T đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ góp phần gây thiệt hại cho Công ty PVFI

số tiền 3.251.670.520 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 03 năm tù là tương xứng với vai trò, tính chất mức độ phạm tội của bị cáo.

Bị cáo Vũ Thị Hồng L là Phó Giám đốc Công ty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H, kiêm nhiệm phụ trách Ban dịch vụ tài chính Công ty PVFI đã có hành vi làm hồ sơ mạo danh hai khách hàng là Nguyễn Thị Thùy N, Đặng Quốc H, cùng với bị cáo T tạo lập tài khoản cá nhân khống tại Công ty ISC nhằm có đầy đủ thủ tục giấy tờ để vay tiền của Công ty PVFI Chi nhánh Thành phố H với mục đích trả nợ cho Công ty SME, do trước đó L đã lợi dụng chủ trương của Công ty PVFI trong việc đầu tư chứng khoán cá nhân kinh doanh chứng khoán thua lỗ, không trả được khoản vay tại Công ty này, và tiếp tục kinh doanh chứng khoán lấy lời làm kinh phí tiếp khách cho Công ty. Như vậy, bị cáo L đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ cùng với bị cáo T gây thiệt hại cho Công ty PVFI số tiền 3.251.670.520 đồng. Bị cáo Vũ Thị Hồng L kháng cáo kêu oan với lý do bị cáo thực hiện hành vi như trên là theo chủ trương, chỉ đạo của cấp trên là không có cơ sở chấp nhận, vì bị cáo có quyền từ chối thực hiện, nhưng bị cáo vẫn thực hiện, nên dù có thực hiện theo sự chỉ đạo, yêu cầu của ai thì bị cáo cũng vẫn phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ". Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo L là đúng người, đúng tội, không oan.

Chính vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của các bị cáo Vũ Thị Hồng L và Nguyễn Xuân T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ Thị Hồng L trình bày:

Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng lao động thì bị cáo L làm việc theo sự chỉ đạo của Ban giám đốc Công ty PVFI. Theo đó, một mình bị cáo L không thể tự mở tài khoản, lập hồ sơ thực hiện thủ tục giấy tờ để vay tiền của Công ty PVFI Chi nhánh Thành phố H đầu tư chứng khoán lấy tiền lời để tiếp khách của Công ty. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa lãnh đạo và các nhân viên của Công ty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H đã tham mưu, phê duyệt giải quyết Hợp đồng hợp tác đầu tư của Nguyễn Thị Thùy N và Đặng Quốc H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, không làm rõ được những mâu thuẫn của vụ án nêu trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm đã đặt các câu hỏi đối với bị cáo Nguyễn Xuân T có tính chất mớm cung gây bất lợi cho bị cáo L.

Về tội danh:

Việc bị cáo L mượn chứng minh nhân dân mở tài khoản Ninh, Hiển thì nhân viên Đặng Thị H biết và có nói cho Ninh và Hiển, cho đến nay Huệ, Ninh và Hiển cũng không có khiếu nại về việc này; còn việc mở tài khoản cá nhận, lập hồ sơ thực hiện thủ tục giấy tờ để vay tiền của Công ty PVFI Chi nhánh Thành phố H đầu tư chứng khoán là nhằm mục đích lấy tiền lời tiếp khách của Công ty theo sự chỉ đạo của Ban giám đốc, bị cáo không có vụ lợi hoặc động cơ cá nhân, nên không đủ yếu tố cấu thành tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

Đồng thời, việc đầu tư kinh doanh chứng khoán bị thua lỗ là do thị T, là yếu tố khách quan.

Mặt khác, cấp sơ thẩm xác định Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán là giả tạo nên bị vô hiệu ngay từ đầu thì phải căn cứ vào các Điều 124 và 131 của Bộ luật Dân sự để giải quyết. Do đó, cấp sơ thẩm xác định số tiền 3.251.670.520 đồng, trong đó có cả tiền lãi, là số tiền bị cáo L gây thiệt hại cho Công ty PVFI là không đúng.

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Vũ Thị Hồng L không phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ", nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, hủy bản án sơ thẩm, tuyên bị cáo L không có tội.

Trong phần tranh luận đối đáp, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm vẫn giữ nguyên quan điểm đã phát biểu nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Hồng L và Nguyễn Xuân T nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ; được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, không thuộc T hợp phải hoãn phiên tòa, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 351 và điểm a khoản 2 Điều 352 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

[1] *Về tố tụng.*

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền,

trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, các hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] *Về nội dung.*

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ xác định:

[2.1] Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính C (Công ty PVFI) là đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (có vốn góp 105 tỷ tương đương 35%), còn lại là vốn góp của công đoàn, cán bộ, công nhân viên Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam.

[2.2] Ngày 30/3/2010, Công ty PVFI và Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp V (Công ty ISC) ký Thỏa thuận hợp tác cung cấp dịch vụ hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết số 10/2011/TTHT/PVFI-ISC, theo đó Công ty PVFI sẽ góp vốn đầu tư (*một hình thức cho vay tiền*) hợp tác ba bên với Công ty ISC và các khách hàng có tài khoản chứng khoán để đầu tư mua các mã chứng khoán niêm yết tại Công ty ISC.

[2.3] Vũ Thị Hồng L là Phó Giám đốc Công ty PVFI Chi nhánh tại Thành phố H, kiêm nhiệm phụ trách Ban dịch vụ tài chính Công ty PVFI. Thời gian tháng 3 năm 2011, L đã có hành vi làm hồ sơ mạo danh hai khách hàng là Nguyễn Thị Thùy N và Đặng Quốc H tạo lập tài khoản cá nhân tại Công ty ISC. Đồng thời, L tự ký giả vào các tài liệu hợp tác đầu tư, bàn bạc với Nguyễn Xuân T, là Kế toán trưởng Công ty ISC, ký các biên bản xác nhận niêm phong chứng khoán khống cùng các tài liệu khác nhằm có đầy đủ thủ tục giấy tờ để vay tiền của Công ty PVFI Chi nhánh Thành phố H với mục đích trả nợ cho Công ty Cổ phần Chứng khoán S (Công ty SME), do trước đó L đã lợi dụng chủ trương của Công ty PVFI trong việc đầu tư chứng khoán cá nhân và L đã kinh doanh chứng khoán thua lỗ không trả được khoản vay tại Công ty này, và tiếp tục kinh doanh chứng khoán lấy lời làm kinh phí tiếp khách cho Công ty. Thực tế, việc kinh doanh chứng khoán cổ phiếu VFR, MAX ở Công ty SME và Công ty ISC đều bị lỗ, lại thêm phần lãi đã vay nên khi bán toàn bộ cổ phiếu đang có trong 02 tài khoản Ninh và Hiển cũng chỉ đủ tiền thanh lý tất toán hợp đồng đứng tên tài khoản Đặng Quốc H, còn tài khoản mang tên Nguyễn Thị Thùy N chỉ thanh toán được một phần. Hết hạn hợp tác đầu tư tài khoản đứng tên Nguyễn Thị Thùy N thì L không còn khả năng thanh toán tiền vay cho Công ty PVFI Chi nhánh Thành phố H dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty PVFI số tiền 3.251.670.520 đồng.

[2.3a] Bị cáo Vũ Thị Hồng L và Luật sư bào chữa cho bị cáo L cho rằng, bị cáo L thực hiện hành vi như trên là theo chủ trương và chỉ đạo của lãnh đạo cấp trên trong Công ty, nhưng các đối tượng là lãnh đạo mà bị cáo khai không thừa nhận, trong khi không có tài liệu chứng cứ về việc các đối tượng này có chủ trương hoặc có chỉ đạo việc đầu tư chứng khoán cá nhân nhằm lấy lãi cho lãnh đạo Công ty chi phí ngoại giao. Do đó, cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo L phải chịu trách nhiệm cá nhân trong việc thực hiện hành vi gây thiệt hại cho Công ty PVFI số tiền 3.251.670.520 đồng như trên, là có căn cứ.

[2.3b] Đối với bị cáo Nguyễn Xuân T là kế toán trưởng Công ty ISC, khi có yêu cầu xem xét việc L chuyển cổ phiếu đến Công ty ISC theo quy định, nhưng vì sợ nếu không giải quyết theo yêu cầu của Công ty PVFI thì có khả năng Công ty PVFI sẽ giảm hạn mức tiền đầu tư tại Công ty ISC. Do đó, mặc dù biết tài khoản của Nguyễn Thị Thùy N và Đặng Quốc H không có 05 mã chứng khoán nhưng T vẫn xác nhận số dư khống trong tài khoản chứng khoán của Ninh và Hiển để thực hiện việc ký biên bản kiêm phong tỏa chứng khoán vào ngày 18/3/2011, là đã thực hiện không đúng quy định về hoạt động kế toán, cũng như không đúng với thỏa thuận hợp tác đầu tư giữa hai công ty PVFI và Công ty ISC. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo Trương phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm giúp sức cho L gây thiệt hại số tiền 3.251.670.520 đồng của Công ty PVFI, là có căn cứ.

Với hành vi như trên, cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo Vũ Thị Hồng L và Nguyễn Xuân T phạm tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ"* theo khoản 3 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, là có căn cứ, đúng người, đúng tội theo quy định của pháp luật, không oan cho các bị cáo.

[2.4] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây nguy hại rất lớn cho xã hội, các bị cáo đã lợi dụng chức vụ và quyền hạn của mình làm trái quy định pháp luật gây thiệt hại cho tài sản của Công ty PVEI với số tiền 3.251.670.520 đồng.

[2.5] Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Vũ Thị Hồng L 05 (năm) năm tù và bị cáo Nguyễn Xuân T 03 (ba) năm tù là có căn cứ, tương xứng với vai trò, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo, đủ đảm bảo cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[2.6] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Thị Hồng L và bị cáo Nguyễn Xuân T kháng cáo nhưng không có tình tiết nào mới, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với ý kiến, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên

tòa, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L và bị cáo T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Những ý kiến, quan điểm đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ Thị Hồng L tại phiên tòa phúc thẩm không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nêu trên nên không được chấp nhận.

[5] Bị cáo Vũ Thị Hồng L và bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Thị Hồng L và Nguyễn Xuân T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 354/2019/HS-ST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố H:

Tuyên bố Vũ Thị Hồng L và Nguyễn Xuân T phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

+ Áp dụng Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); khoản 3 Điều 281 Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009); điểm b, t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bị cáo Vũ Thị Hồng L 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Áp dụng Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); khoản 3 Điều 281 Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009); điểm b, t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 20/7/2016 đến ngày 18/01/2017.

- Án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Vũ Thị Hồng L và Nguyễn Xuân T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 20 tháng 9 năm 2019./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- Công an TP Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh;
- Bị cáo (2);
- Lưu: HS(1) VT (6), 16b PTHH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đình Thanh

Các Thẩm phán | **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đặng Văn Ý | **Đinh Ngọc Thu Hương** | **Đỗ Đình Thanh**